

CHÍNH PHỦ

Số: 05/2003/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

----- o0o -----

Hà Nội, Ngày 21 tháng 01 năm
2003

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ
Về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng, chống ma túy

CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 09 tháng 12 năm 2000;
Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an,*

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Nghị định này quy định về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng, chống ma túy của Chính phủ Việt Nam, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan Trung ương của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (*sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức của Việt Nam*) với Chính phủ và các cơ quan Chính phủ của các nước, tổ chức quốc tế, tổ chức và cá nhân nước ngoài.

Điều 2. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng, chống ma túy phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

1. Tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, phong tục tập quán của dân tộc, các bên cùng có lợi và bảo đảm hiệu quả thiết thực, trên cơ sở pháp luật của Việt Nam và của nước có liên quan, các điều ước quốc tế đa phương và song phương mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia.
2. Bảo đảm sự chỉ đạo, điều hành tập trung thống nhất của Thủ tướng Chính phủ và sự quản lý trực tiếp của cơ quan, tổ chức hữu quan của Việt Nam.
3. Nội dung, chương trình hợp tác phải căn cứ vào đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có tính đến hướng ưu tiên và khả năng hợp tác của các cơ quan, tổ chức của Việt Nam cũng như của nước ngoài.
4. Việc xây dựng, ký kết và thực hiện các điều ước quốc tế về phòng, chống ma túy phải tuân theo các quy định của Pháp lệnh về ký kết và thực hiện điều ước quốc tế và các văn bản pháp luật khác có liên quan.
5. Việc quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài phục vụ công tác phòng, chống ma túy cũng phải tuân thủ các quy định của Nghị định này, Nghị định số 103/1998/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 1998 của Chính phủ về quản lý hợp tác với nước ngoài về pháp luật, Quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) ban hành kèm theo Nghị định số 17/2001/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2001 của Chính phủ, Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài ban hành kèm theo Quyết định số 64/2001/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm

2001 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Chương II

HÌNH THỨC VÀ NỘI DUNG HỢP TÁC QUỐC TẾ TRONG LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG MA TUÝ

Điều 3. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng, chống ma túy được thực hiện thông qua các hình thức sau:

1. Phối hợp phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống ma túy theo quy định của pháp luật Việt Nam và của nước có liên quan.
2. Ký kết các điều ước quốc tế đa phương và song phương về phòng, chống tình trạng nghiện ma túy, tội phạm về ma túy và các hành vi trái phép khác về ma túy (*sau đây viết gọn là tệ nạn ma túy*).
3. Thu thập, nghiên cứu, trao đổi thông tin, kinh nghiệm phòng, chống tệ nạn ma túy.
4. Phối hợp đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện nghiệp vụ về phòng, chống tệ nạn ma túy cho cán bộ, nhân viên các cơ quan, tổ chức hữu quan.
5. Phối hợp tổ chức hội nghị, hội thảo về các vấn đề có liên quan trong công tác phòng, chống ma túy.
6. Phối hợp điều tra, xử lý tội phạm về ma túy liên quan đến cá nhân, tổ chức nước ngoài ở Việt Nam và cá nhân, tổ chức Việt Nam ở nước ngoài.
7. Hỗ trợ lẫn nhau về cơ sở vật chất, công nghệ, tăng cường năng lực pháp luật trong hoạt động phòng, chống ma túy.

Điều 4. Trên cơ sở pháp luật của Việt Nam và của nước có liên quan, các điều ước quốc tế đa phương và song phương mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia, các cơ quan, tổ chức của Việt Nam trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình được tiến hành các hoạt động sau:

1. Thiết lập mạng lưới sĩ quan liên lạc về phòng, chống ma túy tại các nước để phối hợp hoạt động và đảm bảo thông tin nhanh, chính xác.
2. Thỏa thuận với cơ quan hữu quan của nước khác thực hiện yêu cầu chuyên giao hàng hoá có kiểm soát trên cơ sở điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia để phát hiện và truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội về ma túy.

Điều 5. Trên cơ sở pháp luật của Việt Nam và của nước có liên quan, các điều ước quốc tế đa phương và song phương mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia, các cơ quan, tổ chức của Việt Nam trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện hợp tác quốc tế về các vấn đề sau:

1. Tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống ma túy.
2. Xoá bỏ, thay thế việc trồng cây có chứa chất ma túy.
3. Tổ chức cai nghiện ma túy và quản lý người đã cai nghiện ma túy; nghiên cứu, triển khai ứng dụng các bài thuốc, các phương pháp cai nghiện ma túy và phục hồi chức năng cho người nghiện ma túy.
4. Tổ chức phòng, chống việc mua bán, sử dụng trái phép chất ma túy, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần trong nhà trường, cơ sở giáo dục khác và trong các cơ quan, tổ chức.
5. Kiểm soát và quản lý chặt chẽ chất ma túy, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, tiền chất sử dụng trong lĩnh vực y tế, sản xuất công nghiệp, nghiên cứu khoa học, phân tích kiểm nghiệm và hỗ trợ trang bị, phương tiện, điều kiện để phục vụ công tác kiểm soát, quản lý các chất này.
6. Thực hiện các biện pháp giảm tác hại của ma túy đối với sức khoẻ cộng đồng, trong đó có phòng ngừa lây nhiễm HIV/AIDS và các bệnh truyền nhiễm khác qua tiêm, chích ma túy.

7. Xây dựng xã, phường, thị trấn, cơ quan, đơn vị không có tội phạm về ma túy và người nghiện ma túy.
8. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ phòng, chống ma túy và trang bị phương tiện phòng, chống ma túy.
9. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống ma túy.
10. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, trao đổi kinh nghiệm về phòng, chống ma túy.

Điều 6. Các cơ quan, tổ chức Việt Nam từ chối tương trợ tư pháp về hình sự đối với các vụ án về ma túy theo quy định của Hiệp định tương trợ tư pháp Việt Nam đã ký kết với các nước.

Chương III **QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HỢP TÁC QUỐC TẾ** **TRONG LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG MA TUÝ**

Điều 7.

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng, chống ma túy, có trách nhiệm:

- a) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng, chống ma túy;
- b) Quyết định chủ trương, chính sách, phương hướng, chương trình tổng thể hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng, chống ma túy;
- c) Chỉ đạo việc ký kết và thực hiện chương trình, kế hoạch, dự án hợp tác với các nước về phòng, chống ma túy.

2. Bộ Công an chịu trách nhiệm trước Chính phủ chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện việc quản lý nhà nước về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng, chống ma túy bao gồm:

- a) Xây dựng kế hoạch tổng thể dài hạn, hàng năm về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng, chống ma túy và tổng hợp điều phối nội dung chương trình, kế hoạch, dự án hợp tác, đôn đốc kiểm tra việc thực hiện chương trình, kế hoạch của các cơ quan, tổ chức, báo cáo kết quả việc thực hiện các chương trình, kế hoạch đó lên Chính phủ;
- b) Giúp Chính phủ thực hiện việc thống nhất quản lý nhà nước về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng, chống ma túy và thực hiện hợp tác quốc tế về dẫn độ tội phạm về ma túy, tương trợ tư pháp hình sự về ma túy, chuyển giao người bị kết án phạt tù tội phạm về ma túy và thực hiện các nhiệm vụ khác trong lĩnh vực này theo quy định của pháp luật.
- c) Thực hiện các nghĩa vụ của Việt Nam theo quy định của các Công ước của Liên hợp quốc về phòng, chống ma túy;
- d) Hướng dẫn các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện chương trình tổng thể hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng, chống ma túy.

Điều 8. Bộ Công an có trách nhiệm:

1. Xây dựng và tổ chức thực hiện chủ trương, kế hoạch hợp tác quốc tế về phòng, chống tội phạm về ma túy.
2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan khác, chính quyền địa phương thực hiện việc hợp tác với cơ quan hữu quan của các nước có chung đường biên giới và các nước khác để ngăn chặn, đấu tranh chống các tội phạm về ma túy.
3. Xây dựng và chỉ đạo thực hiện các điều ước quốc tế về hợp tác kiểm soát ma túy, tiền

chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần qua biên giới mà Việt Nam đã ký kết với các nước.

4. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các tỉnh biên giới thực hiện nhiệm vụ hợp tác trong lĩnh vực phòng, chống ma túy với các tỉnh giáp biên giới của Cộng hoà nhân dân Trung Hoa, Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào, Vương quốc Campuchia.

5. Chủ trì, phối hợp các lực lượng phòng, chống ma túy của Việt Nam trong việc hợp tác với cơ quan tương ứng của các nước để điều tra, xử lý tội phạm về ma túy theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm:

1. Xây dựng và tổ chức thực hiện chủ trương, kế hoạch hợp tác quốc tế về cai nghiện ma túy và giải quyết các vấn đề xã hội sau cai nghiện, phòng, chống tái nghiện.

2. Hướng dẫn, chỉ đạo các địa phương, các cơ sở cai nghiện ma túy trong các hoạt động hợp tác quốc tế về cai nghiện ma túy, tiếp nhận, sử dụng các nguồn tài trợ của tổ chức, cá nhân nước ngoài để xây dựng cơ sở vật chất, tổ chức cai nghiện ma túy, quản lý, giáo dục người nghiện ma túy và người đã cai nghiện ma túy, hỗ trợ người đã cai nghiện ma túy hoà nhập cộng đồng.

Điều 10. Bộ Y tế có trách nhiệm:

1. Xây dựng và tổ chức thực hiện chủ trương, kế hoạch hợp tác quốc tế về kiểm soát thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, tiền chất sử dụng trong lĩnh vực y tế, phân tích, kiểm nghiệm và nghiên cứu khoa học.

2. Chủ trì và tổ chức thực hiện các dự án hợp tác quốc tế về nghiên cứu, ứng dụng các bài thuốc, phương pháp y học cai nghiện ma túy; các dự án hợp tác quốc tế về kiểm soát thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, tiền chất sử dụng trong lĩnh vực y tế, phân tích, kiểm nghiệm và nghiên cứu khoa học.

Điều 11. Bộ Công nghiệp có trách nhiệm:

1. Xây dựng và tổ chức thực hiện chủ trương, kế hoạch hợp tác quốc tế về kiểm soát tiền chất sử dụng trong lĩnh vực công nghiệp.

2. Tổ chức thực hiện các dự án hợp tác quốc tế về kiểm soát tiền chất sử dụng trong lĩnh vực công nghiệp.

Điều 12. Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm:

1. Xây dựng và tổ chức thực hiện chủ trương, kế hoạch hợp tác quốc tế về phòng, chống ma túy trong nhà trường, cơ sở giáo dục khác.

2. Tổ chức thực hiện các dự án hợp tác quốc tế về giáo dục phòng, chống ma túy trong giáo viên, cán bộ, nhân viên, học sinh, sinh viên, học viên.

Điều 13. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban Dân tộc và các cơ quan, tổ chức hữu quan khác chỉ đạo việc hợp tác quốc tế về tuyên truyền, giáo dục, tổ chức xoá bỏ cây có chứa chất ma túy, thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội trợ giúp việc chuyển hướng sản xuất có hiệu quả, ổn định đời sống của nhân dân.

Điều 14. Bộ Quốc phòng có trách nhiệm chỉ đạo lực lượng Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển thực hiện nhiệm vụ hợp tác với cơ quan hữu quan tương ứng của nước khác theo quy định tại Chương VI Luật Phòng, chống ma túy và của Nghị định này cũng như các quy định pháp luật khác có liên quan để phát hiện, ngăn chặn các hành vi mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần qua biên giới.

Điều 15. Bộ Tài chính có trách nhiệm chỉ đạo Tổng cục Hải quan và lực lượng hải quan các cấp hợp tác với cơ quan phòng, chống ma túy, cơ quan hải quan của các nước có chung đường biên giới với Việt Nam, tổ chức hải quan khu vực và các nước khác trong việc thực

hiện nhiệm vụ phòng, chống mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần qua biên giới theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế đa phương, song phương mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia.

Điều 16. Bộ Ngoại giao có trách nhiệm phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan trong việc nghiên cứu, đề xuất chủ trương đàm phán, ký kết và thực hiện các điều ước quốc tế về phòng, chống ma túy.

Điều 17. Bộ Tư pháp có trách nhiệm phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan nghiên cứu, hoàn thiện pháp luật về hợp tác quốc tế trong phòng, chống ma túy, bảo đảm sự phù hợp giữa pháp luật Việt Nam và các Công ước của Liên hợp quốc về phòng, chống ma túy; tham gia xây dựng, thẩm định các văn bản quy phạm pháp luật về hợp tác quốc tế về phòng, chống ma túy và tổ chức phổ biến các văn bản này trong cán bộ, công chức, nhân dân.

Điều 18. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình phối hợp với Bộ Công an thẩm định các đề án, dự án hợp tác quốc tế về phòng, chống ma túy, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt và có trách nhiệm bảo đảm kinh phí thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án về phòng, chống ma túy đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Điều 19.

1. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ kế hoạch của Chính phủ có trách nhiệm:

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hợp tác quốc tế về phòng, chống ma túy ở địa phương;

b) Chỉ đạo các lực lượng: Công an, Hải quan, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển ở địa phương hợp tác với các cơ quan tương ứng của các nước có chung đường biên giới với Việt Nam trong việc trao đổi thông tin, phối hợp kiểm tra, kiểm soát, phát hiện và xử lý các hành vi mua bán, vận chuyển trái phép qua biên giới chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần theo quy định của pháp luật;

c) Tổ chức cuộc họp định kỳ 6 tháng và hàng năm với chính quyền các tỉnh của nước có chung đường biên giới để trao đổi thông tin, bàn biện pháp phối hợp phòng, chống tệ nạn ma túy.

Việc tổ chức họp định kỳ với các tỉnh tương ứng thực hiện theo Phụ lục số 1, 2 và 3 của Nghị định này và theo chế độ luân phiên địa điểm giữa hai nước.

2. Các cơ quan chuyên trách phòng, chống ma túy cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện biên giới có trách nhiệm thực hiện chế độ giao ban với cơ quan tương ứng và chính quyền các huyện giáp biên giới tương ứng của nước bạn theo hiệp định, thoả thuận đã ký giữa hai nước để trao đổi thông tin, phối hợp kiểm tra, kiểm soát, phát hiện và xử lý các hành vi mua bán, vận chuyển trái phép qua biên giới chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Các cơ quan, tổ chức của Việt Nam căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình và các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia có trách nhiệm:

1. Vận động các nguồn tài trợ, xây dựng chương trình, dự án hợp tác quốc tế về phòng, chống ma túy, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác quốc tế về phòng, chống ma túy theo kế hoạch của Chính phủ.

Điều 21. Hàng năm cơ quan, tổ chức phối hợp với Bộ Công an lập kế hoạch hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng, chống ma túy do mình phụ trách trình Chính phủ phê duyệt; báo cáo

tình hình thực hiện các chương trình, dự án hợp tác quốc tế, việc sử dụng các nguồn tài trợ của nước ngoài theo các quy định của pháp luật và gửi Bộ Công an để tổng hợp báo cáo Chính phủ.

Chương IV **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 22.

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân của Việt Nam, tổ chức quốc tế, tổ chức và cá nhân nước ngoài có thành tích về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng, chống ma túy theo Nghị định này thì được khen thưởng theo quy định hiện hành.

2. Tổ chức, cá nhân có hành vi phạm các quy định của Nghị định này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 23. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Bộ Công an chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan kiểm tra, đôn đốc việc thi hành Nghị định này.

Điều 24. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Phụ lục số 1

Các cặp tỉnh tương ứng biên giới Việt Nam - Lào

(Ban hành kèm theo Nghị định số 05/2003/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ)

TỈNH VIỆT NAM	TỈNH LÀO
Tỉnh Lai Châu	Phongsavan
Tỉnh Sơn La	Tuần Phong
Tỉnh Thanh Hoá	Hủa Phăn
Tỉnh Nghệ An	Hủa Phăn
Tỉnh Hà Tĩnh	Bô Ly Khăm Xay
Tỉnh Quảng Bình	Khăm Muộn, Savanakhét

Tỉnh Quảng Bình	Khăm Muộn, Savanakhét
Tỉnh Quảng Trị	Savanakhét
Tỉnh Thừa Thiên Huế	Salavan Xê Kong
Tỉnh Quảng Nam	Xê Kong
Tỉnh Kon Tum	Xê Kong At Ta Pư

Phụ lục số 2

Các cặp tỉnh tương ứng biên giới Việt Nam - Campuchia

(Ban hành kèm theo Nghị định số 05/2003/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ)

Phía CHXHCN Việt Nam	Phía Vương quốc Campuchia
Tỉnh Đắk Lắk	Tỉnh Mondul Kiri
Tỉnh Bình Phước	Tỉnh Mondul Kiri Tỉnh Cra Chê Tỉnh Công Pông Chàm
Tỉnh Tây Ninh	Tỉnh Công Pông Chàm Tỉnh Xvay Riêng
Tỉnh Long An	Tỉnh Xvay Riêng Tỉnh Pray Veng
Tỉnh An Giang	Tỉnh Căng Đan Tỉnh Tà Kẹo Tỉnh Ki Ri Vông
Tỉnh Kiên Giang	Tỉnh Căm Pot

Phụ lục số 3

Các cặp tỉnh tương ứng biên giới Việt Nam - Trung Quốc

(Ban hành kèm theo Nghị định số 05/2003/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ)

phụ)

Phía Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Phía Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa
Tỉnh Lai Châu Tỉnh Lào Cai Tỉnh Hà Giang	Tỉnh Vân Nam
Tỉnh Cao Bằng Tỉnh Lạng Sơn Tỉnh Quảng Ninh	Khu tự trị Quảng Tây

**CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**
(Đã ký)

Phan Văn Khải